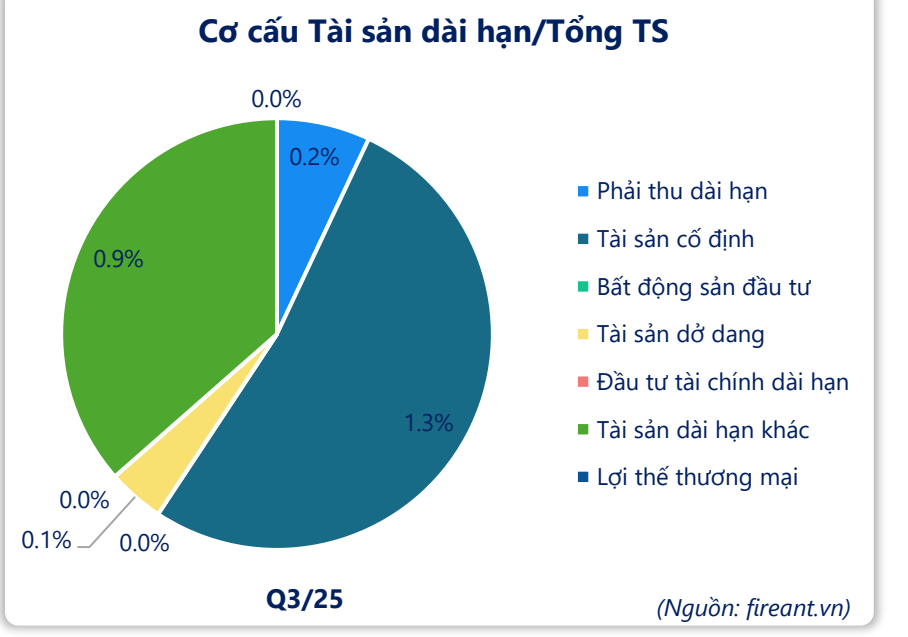
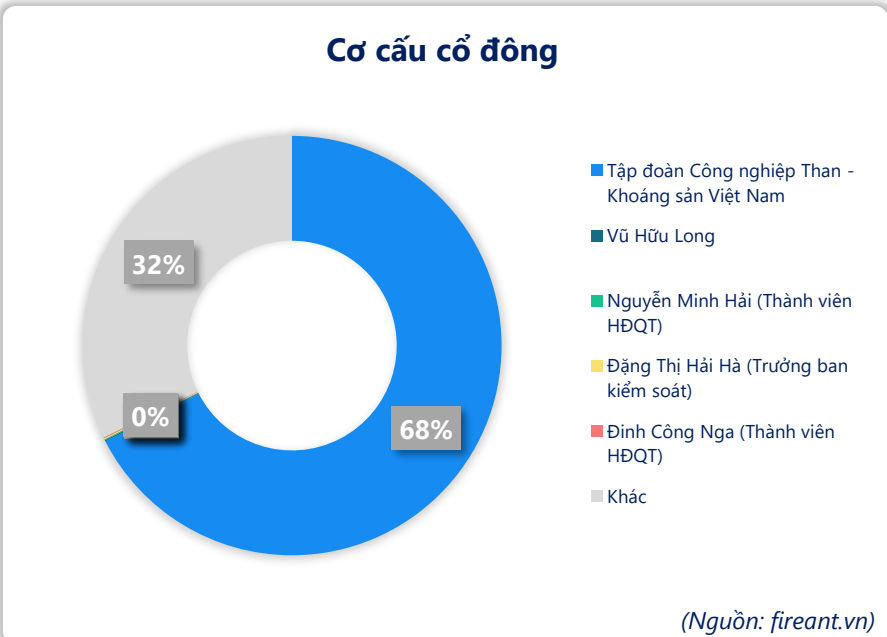
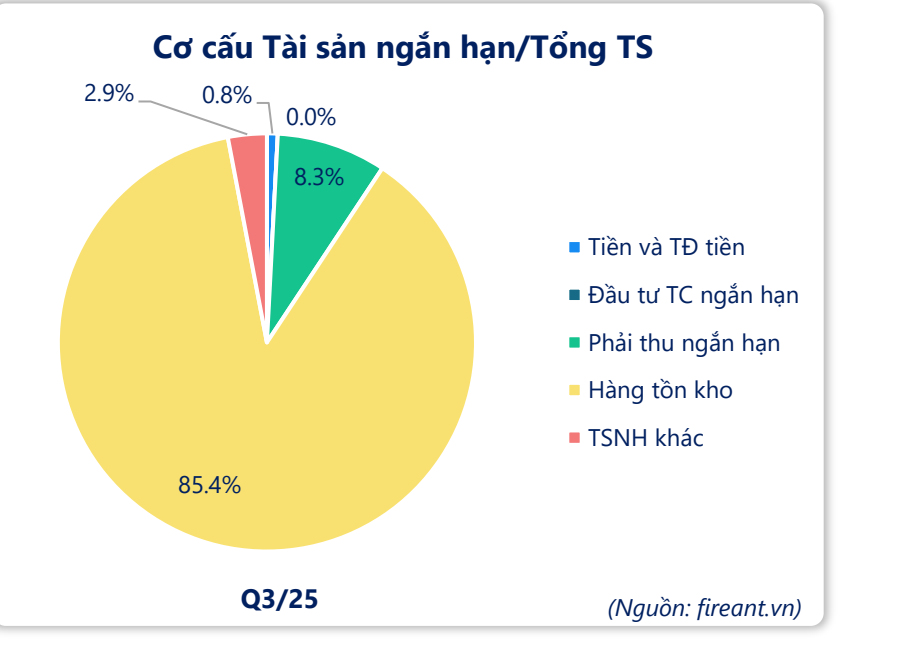
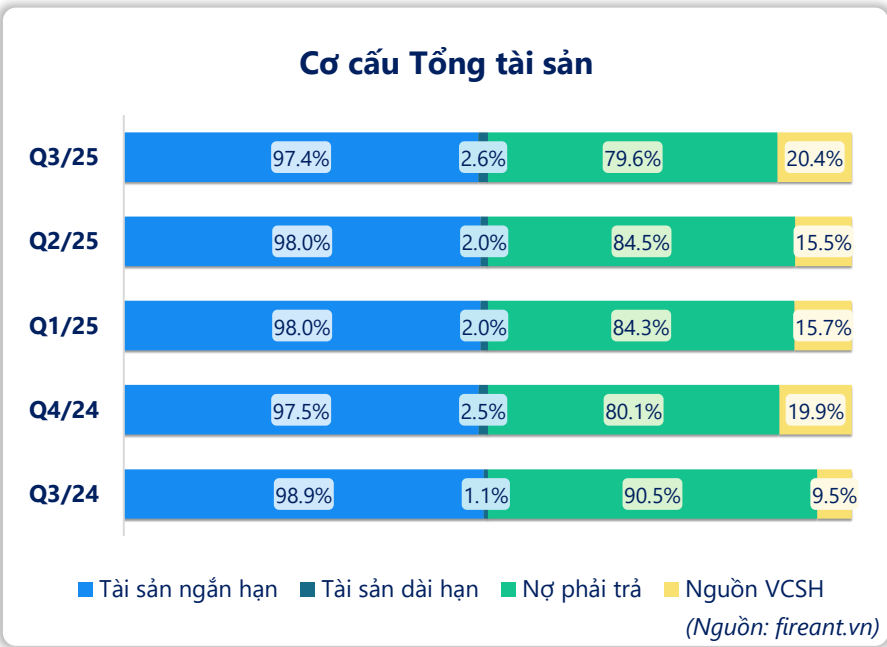
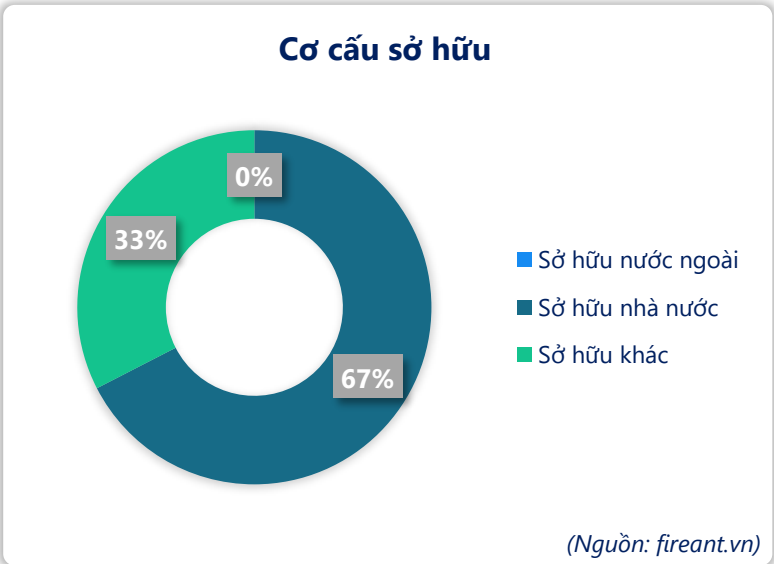
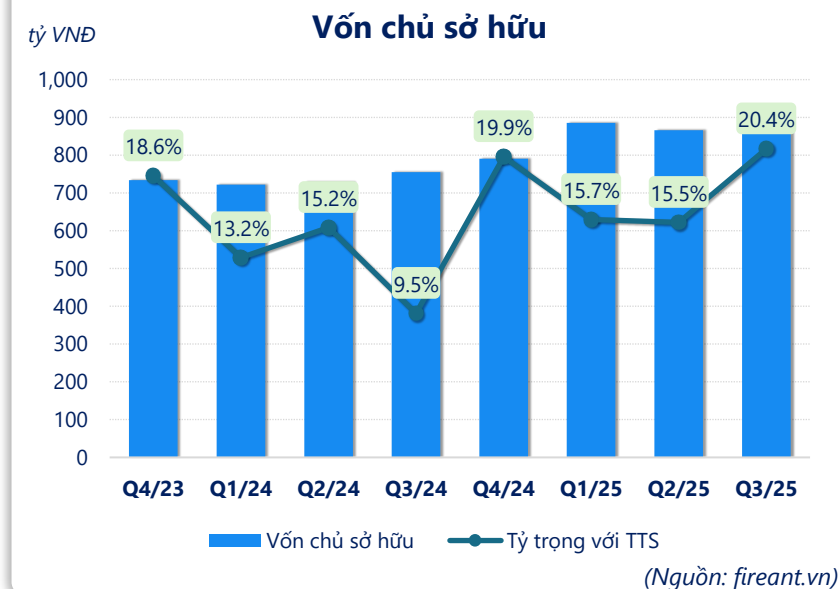
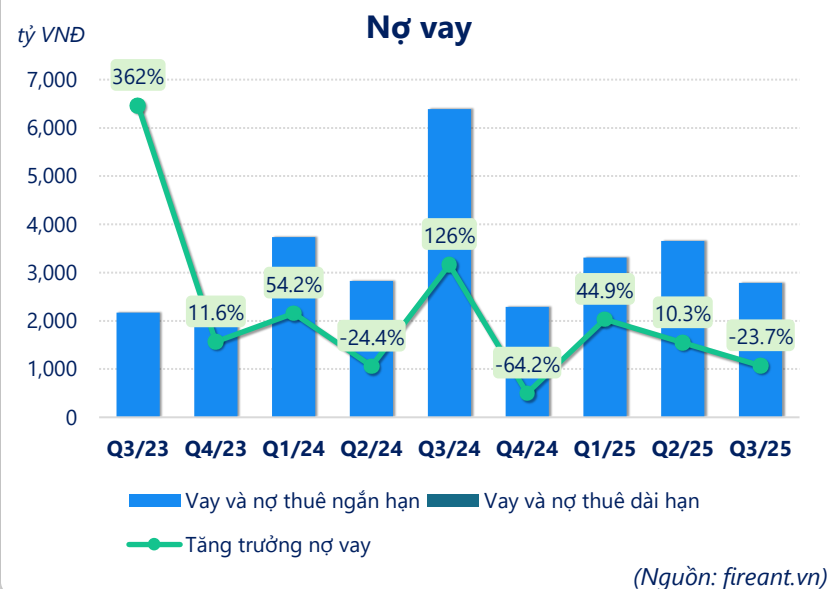
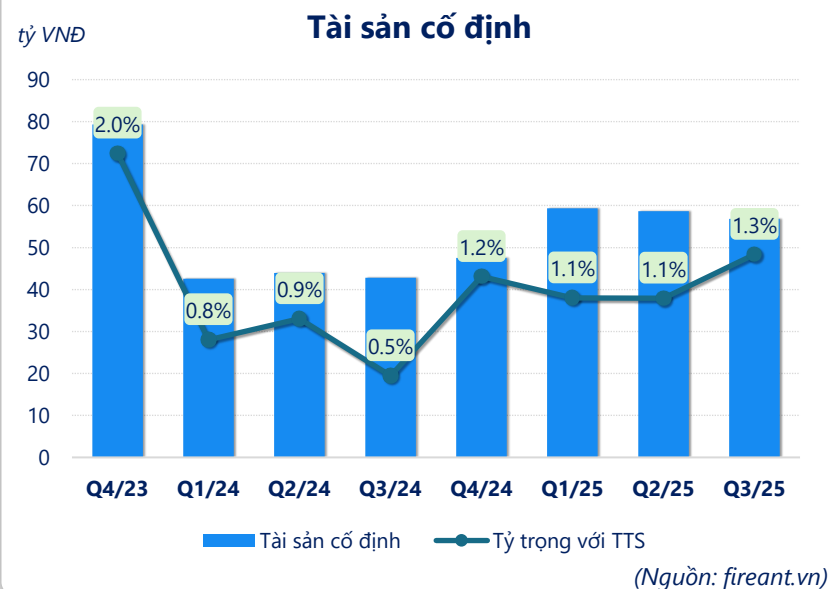
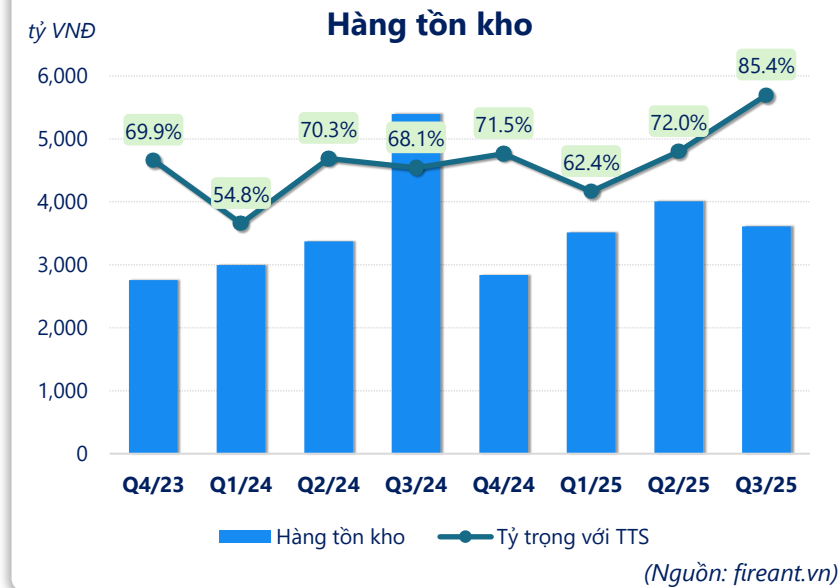
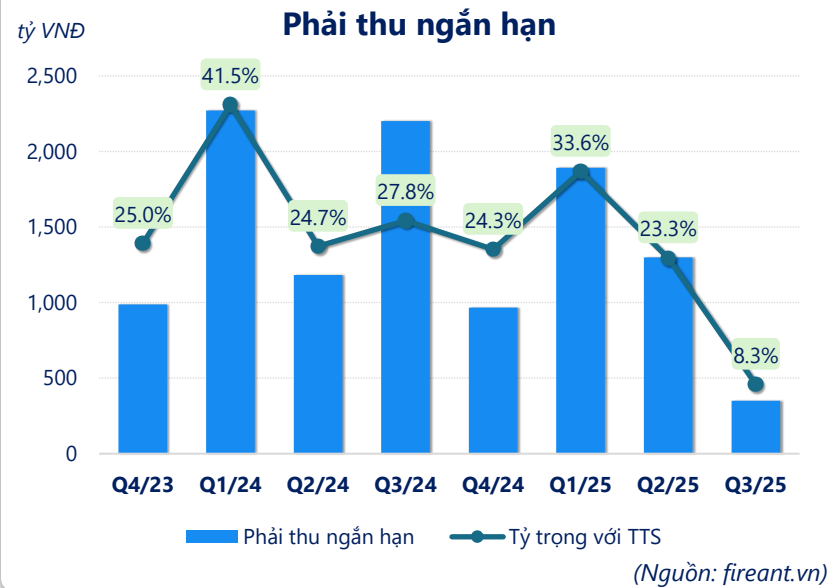
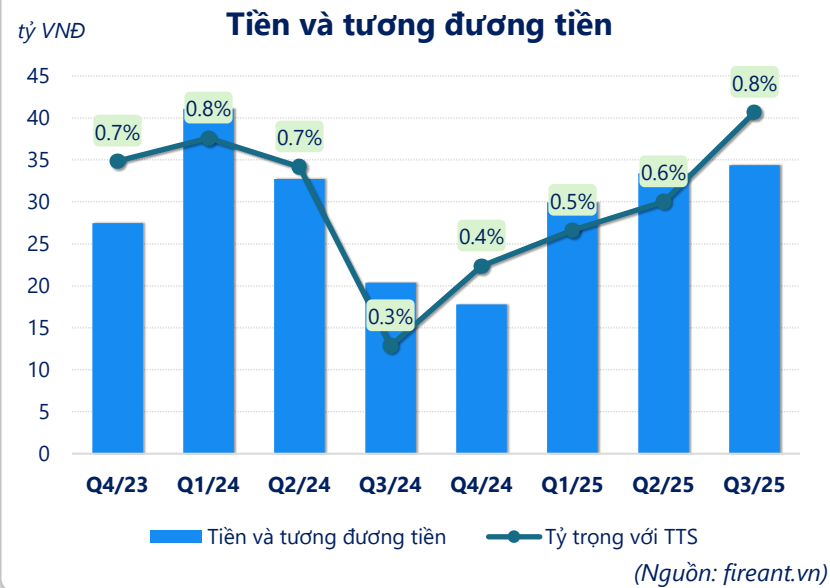
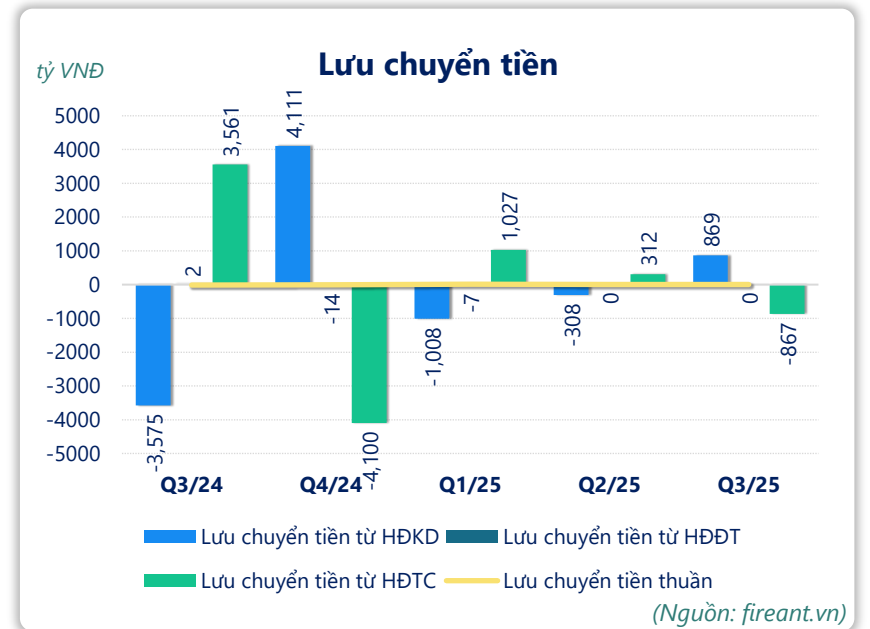
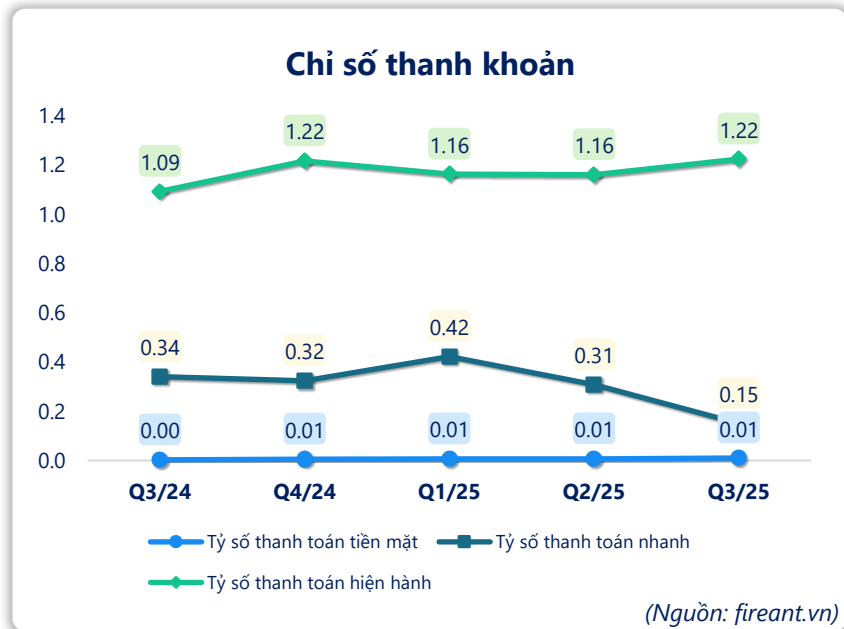
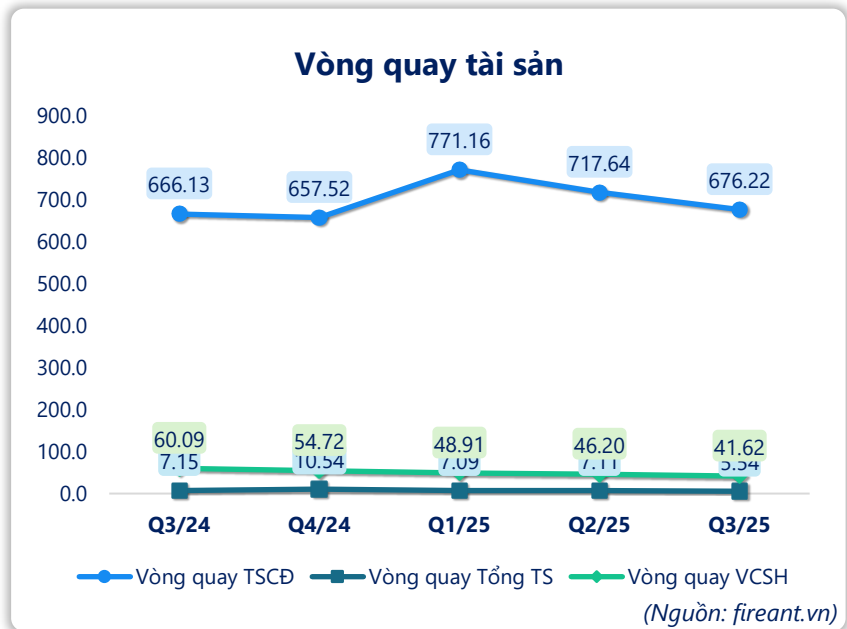
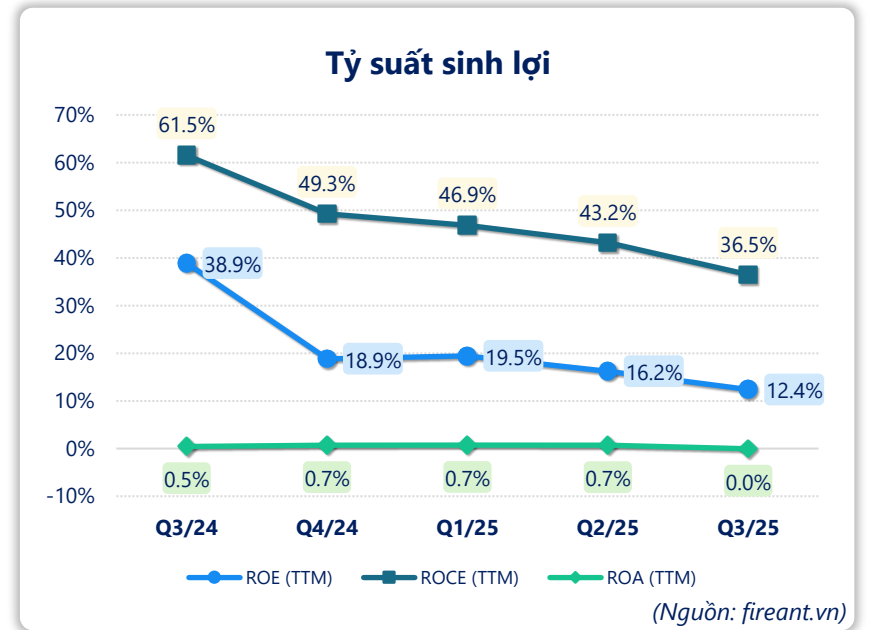
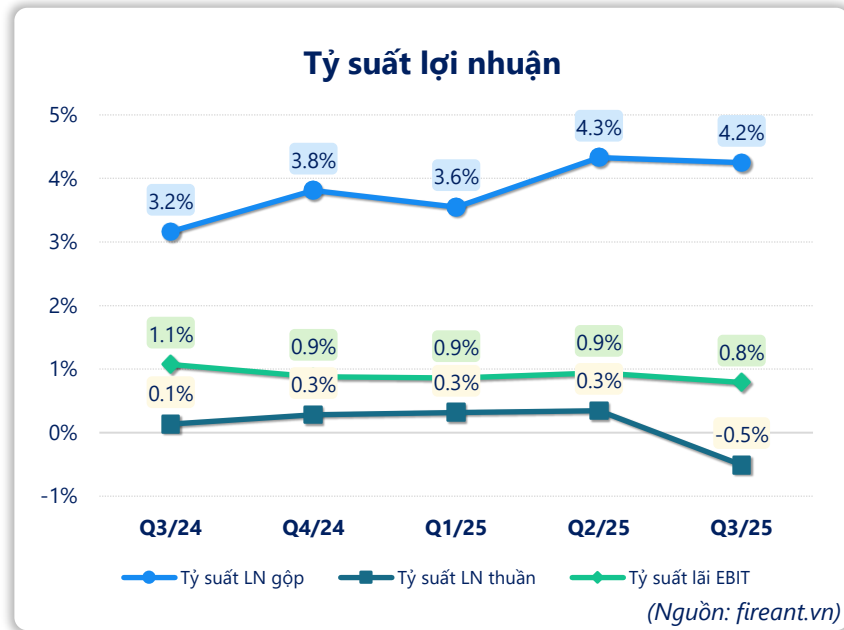
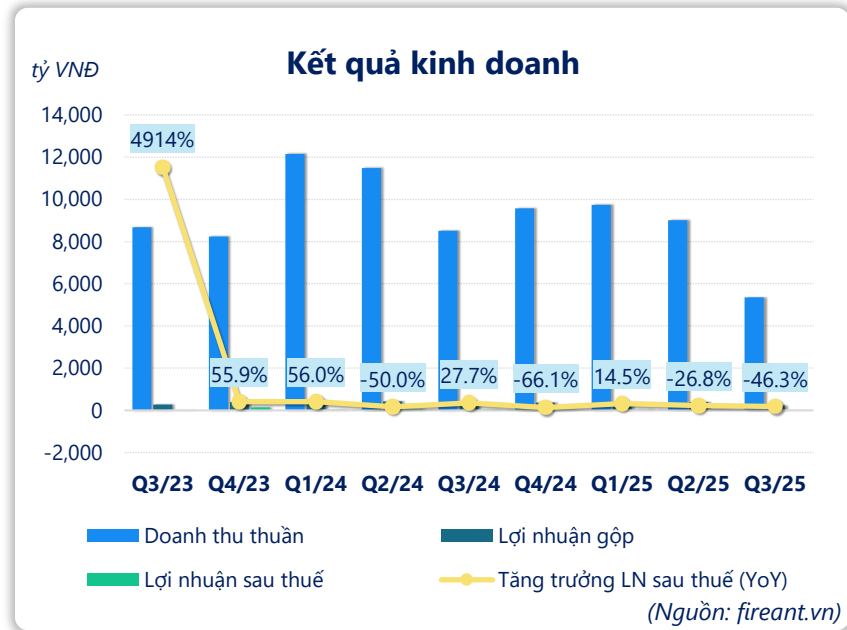


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		60,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		77,681
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		59,232
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,750
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		911
P/E		9.1
EPS		6,681

	YTD	1T	3T	6T
TMB	-18.6%	-1.9%	-13.3%	-13.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,227	4,043	4.6%
Tài sản ngắn hạn	4,119	3,941	4.5%
Tiền và tương đương tiền	34.4	17.8	93.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	349	1,031	-66.1%
Hàng tồn kho	3,611	2,844	27.0%
Tài sản ngắn hạn khác	124	48.3	156%
Tài sản dài hạn	109	101	7.3%
Phải thu dài hạn	7.60	0	
Tài sản cố định	56.8	47.5	19.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.60	9.90	-53.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	39.6	43.7	-9.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,364	3,198	5.2%
Nợ ngắn hạn	3,364	3,198	5.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,787	2,286	21.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	342	700	-51.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	863	845	2.1%
Vốn chủ sở hữu	863	845	2.1%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	8,506	9,577	9,734	9,013	5,348
Giá vốn hàng bán	8,237	9,212	9,388	8,623	5,121
Lợi nhuận gộp	269	365	346	390	227
Doanh thu HĐTC	38.6	7.41	22.0	13.9	7.23
Chi phí TC	34.4	43.5	33.2	40.9	37.4
Chi phí lãi vay	50.4	43.5	29.6	36.6	37.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	250	264	287	316	213
Chi phí QLDN	11.4	37.8	17.2	16.0	11.6
LN thuần từ HĐKD	11.5	26.8	30.6	31.1	-27.2
Lợi nhuận khác	29.3	14.1	23.4	17.3	32.1
LN trước thuế	40.8	40.8	54.0	48.4	4.94
Lợi nhuận sau thuế	26.4	27.5	40.3	35.2	-2.81
LNST của CĐ cty mẹ	26.4	27.5	40.3	35.2	-2.81

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3,575	4,111	-1,008	-308	869
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.79	-13.6	-6.92	-0.44	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,561	-4,100	1,027	312	-867
Tiền đầu kỳ	32.7	20.4	17.8	29.9	33.4
Lưu chuyển tiền thuần	-12.4	-2.60	12.2	3.47	0.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.4	17.8	29.9	33.4	34.4

(Nguồn: fireant.vn)